ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ AN HỮU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101/QĐ-UBND	*An Hữu, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Đường Ông Huyện - Cai Thị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN HỮU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 125/BC-KQTĐ ngày 12/10/2026 của Phòng Kinh tế xã An Hữu về việc Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Đường Ông Huyện - Cai Thị;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã An Hữu tại Tờ trình số 169/TTr-PKT ngày 14 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường Ông Huyện - Cai Thị với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường Ông Huyện - Cai Thị.

2. Loại, nhóm dự án, cấp dự án chính theo thiết kế: Dự án nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.

3. Mã định danh (nếu có): tại thời điểm phê duyệt chưa có mã định danh.

4. Địa điểm xây dựng dự án; diện tích sử dụng đất của dự án: Xã An Hữu, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích sử dụng đất: Theo chiều dài tuyến thiết kế.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Hữu.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã An Hữu.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có), tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công:

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công:

Công ty TNHH tư vấn Xây Dựng Sao Việt. Mã số doanh nghiệp: 1400727200.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH tư vấn Xây Dựng Sao Việt. Mã số doanh nghiệp: 1400727200.

- Nhà thầu thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Xây dựng Thuận Phát, Mã số doanh nghiệp: 1201612406.

8. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng dự án Đường Ông Huyện - Cai Thị, nhằm hoàn thiện hạ tầng giao thông nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương và đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Phần nền và mặt đường:

- Chiều dài toàn tuyến khảo sát: Ltk = 525,70m.

- Chiều dài toàn tuyến thiết kế: Ltk = 525,70m.

- Mặt đường rộng:

+ Đoạn từ K0A -:- K0D: dài 59,89m.

- Bm = 6,00m. Độ dốc ngang mặt đường 3%.

- Lề đường:

+ Blề trái = 4,65m. Độ dốc ngang lề 2% hướng ra mặt đường.

+ Blề phải = 2,00m. Độ dốc ngang lề 2% hướng ra mặt đường.

- Nền đường rộng Bn = 13,65m (theo diện tích đất công hiện hữu).

- Cao trình thiết kế: + 2.41 -:- +2.00.

+ Đoạn từ K0 -:- C14: dài 465,81m:

- Bm = 3,00m. Độ dốc ngang mặt đường 3%.

- Lề đường rộng Blề = 0,50m/bên. Độ dốc ngang lề 4%.

- Nền đường rộng Bn = 5,00m.

* Tiêu chuẩn thiết kế:

- Mặt đường cấp cao A2.

- Tải trọng khai thác: 3,5 tấn.

- Đường GTNT loại C => Công trình cấp IV.

* Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau (kể cả phần vuốt dốc, mở rộng):

- Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3kg/m2.

- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1kg/m2.

- Cấp phối đá dăm loại II Dmax = 37,5mm dày 30cm (cán 2 lớp) đầm nén đạt K >= 0.98.

- Nền đường đào đắp cát, đầm nén đạt K >= 0.95.

* Kết cấu lề:

- Lề đắp đất dính và mái taluy đắp đất dính từng lớp < 30cm (đất được khai thác dưới kênh lên để đắp), đầm chặt đạt K ≥ 0.90. Mái taluy đắp m = 1.

- Các ao mương được đắp bằng đất dính và đầm nén đạt yêu cầu (đất mua). Vét bùn 0,3m trước khi đắp. Phạm vi lấp mương cách mép nền đường 1.00m (đối với mương đắp 1 phần). Cao độ đắp mương bằng cao độ tự nhiên.

* Gia cố nền đường – tại các vị trí ao mương:

- Gia cố cừ tràm Φgốc = (8Φ10) cm, Φ ngọn > 3,50cm, L = 4,7m.

- Mật độ gia cố cừ đứng 20 cây/md. Đóng ngập trung bình 3,0m.

- Mật độ gia cố cừ ngang cách khoảng 0,40m.

- Liên kết bằng thép buộc Φ6 dài 2m cách khoảng 0,5m/sợi.

9.2. Phần cống qua đường:

Thiết kế 3 vị trí đặt ống nhựa uPVC + cống tròn D800 tại các vị trí như sau:

a. Thiết kế ống uPVC D315mm dày 9,20mm tại C3-11,33m (Km0+141,86m).

- Cao độ đáy cống: (+0.00).

- Ống nhựa uPVC D315 dày 9,20mm dài 8,00m.

b. Thiết kế ống uPVC D500mm dày 15,90mm tại C8+28,33m (Km0+356,71m).

- Cao độ đáy cống: (- 0.50).

- Ống nhựa uPVC D500 dày 15,90mm dài 10,00m.

c. Thiết kế ống uPVC D500mm dày 15.90mm tại C12+4,32m (Km0+479,52m).

- Cao độ đáy cống: (- 0.50).

- Ống nhựa uPVC D500 dày 15,90mm dài 8,00m.

d: Thiết kế cống D800mm tại C14-3,91m (Km0+521,79m).

- Cao độ đáy cống: (- 1.00).

- Cống BTCT D800 đổ tại chỗ dài 11,80m.

* Gia cố chống sạt lở trước và sau cống:

- Đóng 2 hàng cừ tràm Φgốc = (8Φ10) cm, Φ ngọn >= 4,0cm, L = 4,7m, mật độ đóng 20cây/md, đóng ngập trung bình >3m. Đóng xen kẽ giữa 2 cọc bạch đàn.

- Đóng 1 hàng cừ bạch đàn Φgốc ≥ 15cm, L = 6m, đóng cách khoảng 1,0m/cây, đóng ngập trung bình >3m.

- Thanh giằng dọc bằng cọc bạch đàn Φgốc ≥ 15cm, L = 6m.

- Thép buộc Φ6 liên kết thanh giằng dọc và cọc bạch đàn đứng.

Phần hệ thống thoát nước uPVC D315:

Đầu tư mới hệ thống thốt nước bằng cống ngầm uPVC Φ315mm được bố trí 2 bên lề kết hợp bó vỉa + hố ga thu nước mặt đường tổng chiều dài: 125m (56,60+7,40+61,00). Hướng tuyến theo 1 hướng về kênh công cộng, độ dốc thoát nước giữa 2 hố ga: > 1.0 ‰.

- Chiều dài ống uPVC Φ315mm: 118md
- Chiều dài ống uPVC Φ400mm: 4md
- Tổng cộng: 8 hố ga thiết kế mới kích thước: 1,2m x 1,2m.

* Bó vỉa được bố trí chạy suốt 2 bên đường

- Tổng chiều dài bó vỉa: 123 md.

* Phần vĩa hè lát gạch Tezzarro:

- Vỉa hè được lát gạch Tezzarro rộng 2,0m/phía lề phải và rộng 4,65m/phía lề trái, với tổng diện tích: 383,87 m2.
- Cao trình thiết kế: bằng cao trình đỉnh bó vỉa.
- Độ dốc lề đường lát gạch Terrazzo: 2% hướng về mặt đường.

* Giải pháp kết cấu xây dựng:

- Phần hệ thống thoát nước:

* Cống Φ315mm:

- Ống uPVC Φ315mm dày 9,2mm; Ống uPVC Φ400mm dày 11,7mm.

* Hố ga KT 1,2mx1,2m:

- Các chi tiết đúc sẵn của hố ga BTCT đá 1x2 M.250.
- Tường hố ga BT đá 1x2 M.200 đúc tại chỗ.
- BT lót đá 1x2 M.150 dày 10cm.
- Cát lót dày 10cm.

* Bó vỉa

- BT bó vỉa đá 1x2 M.250.
- BT lót đá 1x2 M.200.
- Lót tấm nilon.

* Phần vỉa hè: lát gạch Terrazzo

- Kết cấu vỉa hè từ trên xuống như sau:

• Lát gạch Terrazzo kích thước 40cmx40cmx3cm
• Lớp vữa M.100 dày 2cm.
• Đổ bê tông đá 1x2 M.200 dày 8cm.
• Trải tấm nylon.
• Cát lót dày 5cm.
• Nền đầm nén đạt K=0,90.

Tuyến rẽ 1:

Phần nền và mặt đường:

- Chiều dài toàn tuyến khảo sát: Ltk = 65,38m.

- Chiều dài toàn tuyến thiết kế: Ltk = 65,38m.

- Mặt đường rộng Bm = 3,00m. Độ dốc ngang mặt đường 3%.

- Lề đường rộng Blề = 0,50m/bên. Độ dốc ngang lề 4%.

- Nền đường rộng Bn = 5,00m.

- Cao trình thiết kế: +2.00. Đầu cuối công trình, tại các vị trí vuốt dốc được vuốt về hiện hữu.

* Tiêu chuẩn thiết kế:

- Mặt đường cấp cao A2.

- Tải trọng khai thác: 3,5 tấn.

- Đường GTNT loại C => Công trình cấp IV.

* Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau (kể cả phần vuốt dốc, mở rộng):

- Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3kg/m2.

- Tưới nhựa lót tiêu chuẩn 1kg/m2.

- Cấp phối đá dăm loại II Dmax = 37,5mm dày 30cm (cán 2 lớp) đầm nén đạt K >= 0.98.

- Nền đường đào đắp cát, đầm nén đạt K >= 0.95.

* Kết cấu lề:

- Lề đắp đất dính và mái taluy đắp đất dính từng lớp < 30cm (đất được khai thác dưới kênh lên để đắp), đầm chặt đạt K ≥ 0.90. Mái taluy đắp m = 1.

Tuyến rẽ 2:

Phần nền và mặt đường:

- Chiều dài toàn tuyến khảo sát: Ltk = 147,58m.

- Chiều dài toàn tuyến thiết kế: Ltk = 147,58m.

- Mặt đường rộng Bm = 3,00m. Độ dốc ngang mặt đường 2%.

- Lề đường rộng Blề = 0,25m/bên. Độ dốc ngang lề 4%.

- Nền đường rộng Bn = 3,50m.

- Cao trình thiết kế: +2.00. Đầu cuối công trình, tại các vị trí vuốt dốc, mở rộng được vuốt về hiện hữu.

* Tiêu chuẩn thiết kế:

- Mặt đường đan BTXM.

- Tải trọng khai thác: 3,5 tấn.

- Đường giao thông nông thôn loại C.

- Cấp công trình: cấp IV.

* Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau (kể cả phần vuốt dốc, mở rộng):

- Bê tông xi măng đá 1x2 M.250 dày 14cm.

- Tấm lót Nilon.

- Lớp cát lót dày 10cm.

- Nền đường hiện hữu đào lấy đất đắp lề + ao mương sau đó đắp cát san lấp đầm nén đạt cao trình thiết kế, đầm nén đạt K ≥ 0.95.

* Kết cấu lề:

- Lề đắp đất dính và mái taluy đắp đất dính từng lớp < 30cm (đất khai thác tại chỗ), đầm chặt đạt K ≥ 0.90. Mái taluy đắp m = 1.

- Các ao mương được đắp bằng đất dính và đầm nén đạt yêu cầu (đất khai thác tại chỗ). Phạm vi lấp mương cách mép nền đường 0,50m (đối với mương đắp 1 phần). Cao độ đắp mương bằng cao độ tự nhiên.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng – Yêu cầu chung;

- TCCS 31: 2020/TCĐBVN Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát.

- TCCS 39:2022/TCĐBVN - thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4054 : 2005 Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô.

- TCCS 40: 2022/TCĐBVN Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông.

- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

- TCCS 34:2020/TCĐBVN Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu Thiết kế.

- TCVN 4252:2012 Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công.

- TCVN 4447 – 2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9436-2012 Nền đường ô tô- Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 8859 – 2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.

- TCVN 8863:2025 Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8791:2018 Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo – Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu.

- Các tiêu chuẩn hiện hành khác…

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **3.311.827.375 đồng** *(Bằng chữ: Ba tỷ, ba trăm mười một triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	2.680.190.818 đồng.
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Di dời trụ điện,…)	:	134.743.600 đồng.
- Chi phí quản lý dự án	:	73.637.475 đồng.
- Chi phí tư vấn	:	211.740.183 đồng.
- Chi phí khác	:	60.225.595 đồng.
- Chi phí dự phòng	:	151.289.704 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án/công trình của dự án: Năm 2026-2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn bổ sung mục tiêu Chương trình MTQG NTM và GNBV (NSTW và XSKT).

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nếu có: Không.

16. Các nội dung khác (nếu có): Không.

Điều 2. Phòng Kinh tế xã An Hữu chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư theo đúng quy định hiện hành, triển khai thi công hoàn thành công trình theo đúng tiến độ, đạt chất lượng. Việc đầu tư thanh quyết toán kết thúc công trình thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã An Hữu, Trưởng Phòng Kinh tế, Kho bạc nhà nước khu vực XVIII - Phòng Giao dịch số 12 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ AN HỮU T. ĐỒNG THÁP

Nguyễn Huy Truyền